

MỤC LỤC

Bảng các chữ viết tắt.....	2
Danh sách hình.....	3
BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP.....	4
1. Giới thiệu tổng quát Trung Tâm Thiện Chí và dự án Đức Linh.....	4
2. Mục tiêu lượng giá và kết quả mong đợi	5
2.1 Mục tiêu lượng giá.....	5
2.2 Kết quả mong đợi từ lượng giá:	5
3. Phương pháp lượng giá.....	5
3.1 Nguồn thông tin để lượng giá:	5
3.2 Phương pháp thu thập thông tin:	6
4. Thuận lợi, hạn chế trong quá trình lượng giá	6
4.1 Thuận lợi.....	6
4.2 Mặt hạn chế.....	7
5. Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ NN	7
5.1 Sơ lược hiện trạng phát triển nông nghiệp Đức Linh.....	7
5.2 Hỗ trợ phát triển NN của Dự án ĐL.....	7
5.2.1 Xây dựng mô hình thí điểm (MHTĐ).....	8
5.2.2 Hoạt động tập huấn:	9
5.2.3. Hỗ trợ tiêm phòng vật nuôi:.....	11
5.2.4 Tổ chức tham quan cho nông dân	12
5.2.5 Chọn đối tượng cho các hoạt động hỗ trợ NN	12
5.2.6 Các vấn đề xuyên suốt lồng ghép.....	12
5.3 Nguồn nhân lực của TTAD cho hoạt động NN	13
5.4 Đội ngũ cộng tác viên	14
5.5 Hợp tác và liên kết	15
5.5.1 Với ngành NN/ KN của nhà nước.....	15
5.5.2 Với các đoàn thể.....	15
5.5.3 Với Ban Điều hành xã.....	15
5.5.4 Các công ty cung cấp vật tư	16

5.5.5 Giữa các người dân trong cộng đồng	16
5.6 Hoạt động thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC)	16
6. Kết luận và đề xuất	17
6.1 Kết luận	17
- Tính phù hợp (Relevance)	17
- Tính hiệu quả mục tiêu:	17
- Tính hiệu quả đầu vào	17
- Tính bền vững:	17
- Tác động	18
Nguồn nhân lực:	18
Phối hợp với các tổ chức bên ngoài	18
Đội ngũ CTV:	19
Cách tiếp cận của TTAD trong việc PTCD	19
6.2 Đề xuất	19
Mạng lưới cộng tác viên	21
Hoạt động thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC)	22
Phụ lục	22
1. Tài liệu tham khảo	22
2. Danh sách người được phỏng vấn	22
3. Hình ảnh	25

Bảng các chữ viết tắt

BĐH	Ban Điều hành
BGD	Ban Giám đốc
CQĐP	Chính quyền địa phương
CTV	Cộng tác viên
DA	Dự án
Hội PN	Hội Phụ nữ
KN	Khuyến nông
ĐL	Đức Linh
MH	Mô hình
MHTĐ	Mô hình thí điểm
NN	Nông nghiệp

ND	Nông dân
PTNT	Phát triển nông thôn
TD	Trình diễn
TTTC	Trung tâm Thiện Chí
TTAD	Trung tâm Ánh Dương
UBND	Ủy ban Nhân dân

Danh sách hình

Hình 1: Ông Lê Quang Hưng (tổ 5, thôn 6, xã Đa Kai).....	12
Hình 2: Cấu trúc mạng lưới KN hình chóp để gia tăng sự tham gia của cộng đồng.....	15
Hình 3: Họp với một nhóm ND tại xã Đa Kai	25
Hình 4: Hộ mượn vốn nuôi gà thả vườn	25
Hình 5: Hộ làm MH ủ men thức ăn cho heo.....	25
Hình 6: Hộ làm đệm lót cho gà.....	25
Hình 7: Làm việc với BDH xã Đa Kai.....	25
Hình 8: Lớp tập huấn tại xã Vũ Hòa	25
Hình 9 : Lớp tập huấn tại xã Đức Hạnh.....	26
Hình 10: Thăm MH tiêu có bốn phân hữu cơ ủ với nấm trichoderma	26

Liên hiệp Hội Khoa học Kỹ thuật tỉnh Bình Thuận
Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Cộng đồng Thiện Chí
Dự án Đức Linh

BÁO CÁO LƯỢNG GIÁ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

Nguyễn Thị Kim Nguyệt
Nguyên Giảng viên chính
Khoa Nông nghiệp
Đại học Cần Thơ

1. Giới thiệu tổng quát Trung Tâm Thiện Chí và dự án Đức Linh

Đức Linh là một huyện thuộc tỉnh Bình Thuận gồm có 11 xã và 2 thị trấn. Tổng diện tích đất tự nhiên là 49.114ha; trong đó đất nông nghiệp chiếm 11.288 ha, cách Thành phố Hồ Chí Minh 150km về phía Bắc; giáp ranh với tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng, cư dân phần lớn là những người nhập cư từ những vùng nghèo nhất ở Việt Nam. dân số hiện nay khoảng 140.000 người. Trước đây dân số tăng nhanh nhưng nay đã giảm bớt nhờ vào những nỗ lực của chính phủ trong việc kế hoạch hóa gia đình.

Nguồn thu nhập chính của dân vùng này từ sản xuất lúa, cây ăn trái, cây công nghiệp như tiêu, điều, cao su, cà phê và từ chăn nuôi heo, gà, bò; đánh bắt cá đối với người dân sinh sống gần sông La Ngà. Bình quân thu nhập hàng năm của người dân vào khoảng 250 đô la Mỹ, dưới mức bình quân quốc gia (440 đô la Mỹ năm 2002). Nguyên nhân của sự nghèo nàn là do thiếu vốn, thiếu đất canh tác, kỹ thuật lạc hậu, cách xa thành thị.

Trung tâm Thiện Chí gồm 3 dự án : Đức Linh, Hàm Thuận Nam và Tánh Linh là một tổ chức phi chính phủ Việt Nam, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh Bình Thuận. Nguồn ngân sách cho các hoạt động dự án chủ yếu được cung cấp từ tổ chức Mekong Plus (tiền thân là Vietnam Plus), một tổ chức phi chính phủ quốc tế chuyên hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển cho các cộng đồng nông thôn nghèo tại Việt Nam và Campuchia. TTTC mong muốn một tư vấn bên ngoài xem xét lại các hoạt động hỗ trợ NN trong thời gian qua nhằm có những điều chỉnh kịp thời để tăng tính hiệu quả. Cả ba dự án của TTTC (Đức Linh, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh) gần như có chung cách tiếp cận cho các hoạt động, vì vậy BGĐ TTTC chỉ yêu cầu lượng giá NN một dự án và có thể rút ra bài học cho cả Trung tâm và dự án Đức Linh được chọn cho việc này.

Dự án ĐL có những hỗ trợ NN thông qua các hoạt động chuyển giao kỹ thuật bằng hình thức tập huấn, xây dựng mô hình trình diễn, hội thảo, ... nhằm giúp tạo thu nhập cho người dân trong vùng. Bà Nguyễn Thị Kim Nguyệt, nguyên Giảng viên chính Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ được mời thực hiện lượng giá này. Bà Nguyệt có nhiều kinh nghiệm về lượng giá và phát triển NN, PTCD.

2. Mục tiêu lượng giá và kết quả mong đợi

2.1 Mục tiêu lượng giá

Tư vấn lượng giá các hoạt động NN của Dự án ĐL về phương pháp triển khai tổ chức và hiệu quả mang lại cho người dân.

2.2 Kết quả mong đợi từ lượng giá:

- Tính phù hợp (Relevance): Mục tiêu các hoạt động hỗ trợ về NN có rõ ràng và phù hợp với chủ trương nhà nước cũng như mong đợi của người dân trong vùng
- Tính hiệu quả mục tiêu (Effectiveness): Mục tiêu đề ra có đạt được theo thời gian dự kiến, mục tiêu này đạt được do các hoạt động của dự án mang lại hay từ các hoạt động khác trong vùng?
- Tính hiệu suất đầu vào (Efficiency): Các khoản đầu tư của dự án ĐL (ngân sách, nhân sự, thời gian) có hợp lý, có cách nào hoặc mức độ nào khác về đầu tư cho việc thực hiện các hoạt động nhưng vẫn cho kết quả như nhau hoặc tốt hơn?
- Tính bền vững (Sustainability) của các hoạt động NN của dự án ĐL: Nếu dự án ĐL dừng các hoạt động hỗ trợ này, những kết quả đạt được trong thời gian có hỗ trợ có được giữ vững hoặc phát triển thêm?
- Những tác động (Impacts): do các hoạt động NN mang lại, đánh giá cả mặt tích cực và tiêu cực
 - a. Tác động về môi trường
 - b. Tác động kinh tế
 - c. Tác động xã hội
 - d. Tác động thể chế (ảnh hưởng đến các ban ngành có liên quan như thế nào)

Các ý kiến đánh giá cần quan tâm đến vấn đề xuyên suốt mà dự án ĐL / nhà tài trợ quan tâm: giới, môi trường, người dân tộc ... (nếu có)

3. Phương pháp lượng giá

3.1 Nguồn thông tin để lượng giá:

- Dữ liệu thứ cấp: Tham khảo từ các tài liệu của TTTC và dự án Đức Linh, các báo cáo định kỳ, báo cáo hoạt động, mẫu biểu; các tài liệu có liên quan đến phát triển nông nghiệp, cầu đường tại địa phương cũng như những chính sách liên quan của nhà nước.
- Hợp BGĐ dự án Đức Linh để thống nhất lịch làm việc đối tượng cung cấp thông tin cho lượng giá.
- Dữ liệu sơ cấp:

- Phòng vấn BGD và nhân viên của dự án Đức Linh, Ban BQL Dự án cấp huyện, BGD Dự án cấp xã, chính quyền địa phương xã, trạm Khuyến nông huyện, hội ND huyện, xã, Ông Bernard Kervyl, giám đốc Mekong Plus.
- Tham dự quan sát các hoạt động do nhân viên dự án ĐL thực hiện trên địa bàn như tập huấn, hội thảo, thăm MHTĐ.
- Thăm các hộ được dự án ĐL hỗ trợ vốn làm mô hình thí điểm, hoặc mượn vốn sản xuất NN.
- Quan sát trực tiếp các hoạt động hỗ trợ NN trên địa bàn, nói chuyện với người dân hưởng lợi.
- Phòng vấn các ND có nhận hỗ trợ trực tiếp và không hoặc chưa được hỗ trợ của dự án Đức Linh
- Phòng vấn các CTV của các xã.

3.2 Phương pháp thu thập thông tin:

- Thống nhất với BGD dự án Đức Linh về các xã được chọn để thu thập thông tin, các đối tượng cấp tin; khi thu thập thông tin, tư vấn luôn tổng kết các phát hiện và cho nhận xét ở cuối buổi để kiểm tra độ chính xác của thông tin thu được và tìm sự đồng thuận của đối tượng cung cấp tin.
- Thường xuyên trao đổi những phát hiện và đề xuất trong khi thu thập thông tin cho các thành viên BGD và nhân viên liên quan của dự án Đức Linh.
- Quan sát trực tiếp các hoạt động và trao đổi với người trong cuộc để tăng tính khách quan khi nhận xét.
- Cuối đợt thu thập thông tin trên địa bàn, tư vấn và BGD dự án Đức Linh, BGD TTTC họp ngắn để đúc kết các phát hiện và thảo luận các đề xuất sơ bộ.
- Báo cáo sơ bộ được gửi đến BGD dự án Đức Linh và các đối tác để được góp ý giúp hiệu chỉnh những thiếu sót hoặc sai sót trong quá trình thu thập thông tin và thu nhận những ý kiến bổ sung;
- Họp BGD dự án Đức Linh qua skype để thảo luận về những góp ý của BGD dự án Đức Linh
- Tư vấn hoàn thiện báo cáo lượng giá.

4. Thuận lợi, hạn chế trong quá trình lượng giá

4.1 Thuận lợi

- BGD và các nhân viên dự án Đức Linh rất nhiệt tình hợp tác với tư vấn, tổ chức tốt cho tư vấn tiếp xúc các đối tượng cung cấp thông tin cho lượng giá.
- Thời tiết thuận lợi cho việc thu thập thông tin tại các xã ấp.

- Những người được phỏng vấn kể các các nhóm dân trong cộng đồng đã hợp tác cởi mở và thẳng thắn cung cấp thông tin và ý kiến.

4.2 Mặt hạn chế

- Thông tin thu thập chỉ có trên địa bàn 3/ 11 xã và 2 thị trấn của huyện Đức Linh do hạn chế về thời gian,
- Tư vấn khó đưa ra kết luận về hiệu quả của dự án vì thiếu hệ thống chỉ số để làm cơ sở đối chiếu

5. Kết quả thu thập thông tin và nhận xét của tư vấn về hỗ trợ NN

5.1 Sơ lược hiện trạng phát triển nông nghiệp Đức Linh.

Đức Linh có hạ tầng khá phát triển, đường giao thông thuận lợi và mạng lưới điện quốc gia đến hầu hết các thôn trong huyện. Thuộc tỉnh Bình Thuận, nhưng Đức Linh thuộc vùng mưa nhiệt đới nên là vùng có sản xuất NN tương đối đa dạng. Cây trồng chủ yếu là lúa, được trồng từ 2 đến 3 vụ mỗi năm tùy vào có điều kiện chủ động nước và cây công nghiệp dài ngày đang phát triển mạnh trong những năm qua, chủ yếu là cây cao su, điều, tiêu, cà phê; ngoài ra một số cây ngắn ngày cũng được canh tác như bắp, mía, mì và một ít cây ăn quả như chanh xoài. Các loại cây trồng thay đổi liên tục tùy vào giá cả, hiện nay do đang có giá cao, cây tiêu đang thay thế dần diện tích các cây cao su, cà phê, điều.

Heo là vật nuôi chính trong huyện, ngoài một số trại nuôi tập trung, heo còn được nuôi nhỏ lẻ bằng nguồn cám tổng hợp và thức ăn tại địa phương. Các hộ có khả năng đầu tư, nuôi heo bằng cám tổng hợp, thời gian nuôi khoảng 4 tháng đạt 100kg. Các hộ nghèo không có khả năng đầu tư, dự án khuyến khích tận dụng thức ăn tại địa phương cho heo kết hợp sử dụng thêm men vi sinh để ủ cám để giảm chi phí đầu tư. Vệ sinh ở các hộ nuôi heo qui mô nhỏ còn tương đối kém, nhiều hộ xả nước thải ra sau vườn hoặc cho vào hố sau chuồng, gây mùi hôi. Mặc dù Dự án có khuyến khích và hỗ trợ các hộ chăn nuôi làm biogas, nhưng biogas không thấy phát triển tại địa phương do các hộ nghèo chăn nuôi nhỏ và không thường xuyên.

Gà cũng được nuôi nhiều ở các hộ bằng hình thức thả vườn có rào lưới, tình trạng trộm cắp gà khá phổ biến trong vùng.

Các hộ ND nhỏ, nghèo ít có cơ hội tiếp xúc trực tiếp các hoạt động KN của nhà nước. Số lớn ND trong vùng ít chia sẻ thông tin với nhau hoặc không tin nhau khi được chia sẻ. Không thấy các hoạt động tổ chức liên kết ND.

5.2 Hỗ trợ phát triển NN của Dự án ĐL.

Như đã nêu trên, Dự án ĐL là một trong 3 vùng hoạt động của TTTC là Hàm Thuận Nam, Tánh Linh và Đức Linh. TTTC hoạt động trên nhiều lĩnh vực nhằm giúp các đối tượng nghèo phát triển. Kinh phí cho hoạt động hỗ trợ NN của dự án ĐL chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong ngân sách hằng năm của dự án (khoảng 15% cho năm 2014). Các hoạt động hỗ trợ chủ yếu nhằm chuyển giao kỹ thuật cho người dân nghèo trong vùng. Trong khi

hiện nay, cũng giống như TTAD của tỉnh Hậu Giang, dự án ĐL chưa xây dựng được kế hoạch định kỳ về hỗ trợ NN (hàng năm, quý ...) chỉ có kế hoạch phân bổ kinh phí cho các hoạt động. Điều này rất khó cho nhân viên thực hiện và khó cho BGĐ giám sát, kiểm tra đôn đốc vì không biết phải làm đến đâu! Hơn nữa, BGĐ Dự án ĐL cũng không thể viết báo cáo tổng kết đánh giá hoạt động do thiếu kế hoạch với các chỉ tiêu, chỉ số cụ thể. Điều này dễ nhận thấy trong các báo cáo tổng kết năm của dự án chỉ cung cấp các dữ liệu về khối lượng các hoạt động như số lớp tập huấn tại các xã, số người tham dự, số mô hình được thực hiện ...

Mặc dù chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng kinh phí thực hiện hàng năm, nhưng hỗ trợ NN cũng đã tổ chức nhiều hoạt động trên địa bàn 11 xã. Ngoài ra, Dự án ĐL còn cho các hộ mượn vốn không lãi để sản xuất, trong đó đa số sử dụng để sản xuất NN. Các hoạt động hỗ trợ NN của Dự án ĐL nhằm mục đích chuyển giao kỹ thuật cho ND thông qua các hình thức như xây dựng MHTĐ, tập huấn, hội thảo, tư vấn kỹ thuật trực tiếp, tiêm phòng cho gia súc, gia cầm...

5.2.1 Xây dựng mô hình thí điểm (MHTĐ)

Thuật ngữ “*mô hình thí điểm*” được sử dụng chung trong dự án cho các loại MH thử nghiệm và nhân rộng. Thuật ngữ này chưa rõ để phân biệt giữa MH thử nghiệm (kỹ thuật còn đang thí nghiệm, nhằm mục đích tìm kết quả kỹ thuật phù hợp cho vùng) và MH trình diễn (kỹ thuật trình diễn đã được xác định tốt cần được phổ biến trong vùng thông qua các điểm trình diễn). Nếu là mô hình trình diễn thì phải cần thực hiện trong mấy vụ để đạt mục tiêu về số người biết và được thuyết phục làm theo.

Hầu hết các MHTĐ có chủ đề do các nhân viên Dự án đề xuất, một số khác do người dân đề nghị thông qua CTV. Chủ đề cho các MHTĐ rất đa dạng như MH nuôi gà bằng đệm lót sinh học, gà thả vườn, bò câu Pháp, sử dụng các chế phẩm sinh học cho cây trồng, dùng men vi sinh ủ thức ăn cho heo ... Các loại sản xuất trong các MHTĐ này phù hợp với người nghèo ít hoặc không đất trong vùng. Thông qua các MH này, một số các kỹ thuật cần cho người nghèo được giới thiệu, các chủ đề này không nằm trong chương trình trọng điểm của tỉnh vì vậy bị ngành khuyến nông bỏ qua.

Các nhân viên kỹ thuật có vẻ rất lúng túng khi chọn chủ đề làm MHTĐ. Một số các chủ đề của MH nhằm giới thiệu các chế phẩm sinh học như sử dụng Dasvila trên lúa, men ủ thức ăn, đệm lót... Kỹ thuật chỉ sử dụng một loại chế phẩm, trong khi trên thị trường cùng một tác dụng có nhiều chế phẩm khác nhau. Điều này dễ tạo suy nghĩ là dự án đang làm tiếp thị cho các sản phẩm được sử dụng trên. Dự án chưa có qui chế hợp tác với các Công ty của các sản phẩm này để tăng kinh phí hoạt động.

MHTĐ chỉ thực sự hiệu quả khi sau đó nhiều người biết đến và áp dụng theo. Nếu chỉ dừng lại ở việc thực hiện MH đạt kết quả tốt thì đây sẽ là điều lãng phí. Dự án Đức Linh đã thiếu phần đánh giá khả năng nhân rộng các kỹ thuật này trên địa bàn và ít tập trung nhiều vào quảng bá, vận động áp dụng khi MH được thực hiện cho kết quả tốt. Có vẻ Dự án Đức Linh chỉ chú trọng “đầu vào” sao cho các MHTĐ có kết quả tốt. Năng lực của

nhóm còn hạn chế về việc xây dựng MH và các hoạt động để nhân rộng các MH cho kết quả tốt

Các loại sản xuất trong các MHTĐ còn mang tính dàn trải, đa số người thực hiện MHTĐ đều đánh giá cao kết quả, nhưng sau khi làm xong, họ không tiếp tục làm theo kỹ thuật mà họ đã được nhân viên Dự án Đức Linh hướng dẫn làm trình diễn hoặc thí điểm. Một số loại MHTĐ đã biến mất sau khi thực hiện như MH nuôi bò câu Pháp vì giá quá thấp; vịt đẻ siêu thị vì điều kiện không phù hợp; thỏ không có vaccin nên chết hàng loạt. Phần lớn nguyên do kết quả các MHTĐ ít được nhân rộng cũng do hiệu quả kinh tế thấp, khó thuyết phục người dân làm theo.,

Mặc dù nhân viên kỹ thuật NN của Dự án Đức Linh yêu cầu ND làm MH ghi chép, nhưng trong thực tế không thấy người nào ghi chép. Việc ghi chép các khâu kỹ thuật trong quá trình thực hiện rất cần thiết, vì có ghi chép, họ mới nhớ các kỹ thuật đã làm để vụ kế tiếp, họ tự làm lại được mà không cần phải có nhân viên kỹ thuật chỉ dẫn. Ngoài ra họ còn có nhiệm vụ chỉ dẫn lại cho người khác trong vùng, nếu không ghi chép, họ sẽ dễ quên qui trình.

Các điểm thực hiện MHTĐ được đến tham quan đều không thấy dựng bảng để giới thiệu cho ND trong vùng biết đến. Nhân viên nhóm trông trọt nói rằng các MHTĐ về cây trồng có dựng bảng, nhưng đến nay MH đã được thực hiện xong nên đã dẹp bảng. Khi làm MHTĐ nếu có nhiều ND trong vùng quan tâm đến quan sát và chia sẻ kinh nghiệm với người thực hiện là điều cần thiết, nếu không có bảng và do điều kiện các hộ cách xa nhau, sẽ ít ai biết để lui tới.

Cùng loại MHTĐ nhưng được thực hiện nhiều nơi, tại các điểm cho kết quả tốt đều được Dự án ĐL chọn để tổ chức hội thảo. Đây là một cách làm tốt so với TTAD của Hậu Giang. Tuy nhiên số người tham dự hội thảo có hạn chế vì mỗi nơi chỉ tổ chức một lần. Chính sách của TTTC, người tham dự tập huấn không được hỗ trợ tiền ăn và xe, nhưng ngược lại nếu tham dự hội thảo sẽ được hỗ trợ hai khoản này. Điều này đã làm cản trở số lần hội thảo và số lượng người tham dự do ngân sách hạn chế.

Cũng như TTAD, dự án ĐL chưa xây dựng tiêu chí chọn người làm MHTĐ. Cần xác định dự án mong đợi gì từ người làm MHTĐ sẽ giúp xây dựng tiêu chí chọn người phù hợp để đáp ứng yêu cầu của dự án.

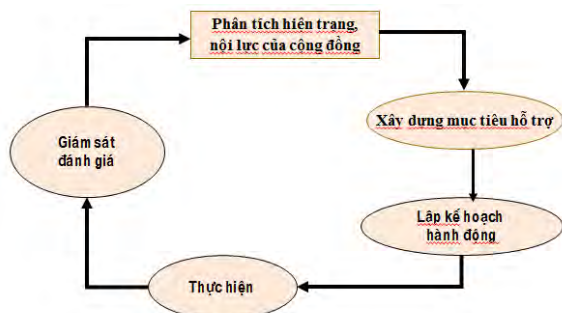
5.2.2 Hoạt động tập huấn:

Hàng năm dự án ĐL có chỉ tiêu mở các lớp tập huấn cho ND trên địa bàn 11 xã trong huyện. Các chủ đề tập huấn do người dân đề xuất thông qua CTV và các đoàn thể. Một số chủ đề mới do các nhân viên chọn lựa tùy vào thực tiễn sản xuất của địa phương. Mỗi lớp có khoảng 40 học viên, nhưng chỉ có một giảng viên phụ trách, vì vậy lớp học khó được quản lý tốt, rất dễ thấy cảnh ồn ào trong lớp học và giảng viên có vẻ mệt mỏi, ít bình tĩnh nếu bị đặt nhiều câu hỏi. Các chủ đề tập huấn xoay quanh các hoạt động sản xuất của ND trong vùng liên quan đến trông trọt và chăn nuôi. Một số lớp được thực hiện thông qua việc kết hợp với các đoàn thể như hội Phụ nữ, Nông dân. Các chủ đề tập huấn có tính tích cực, giúp vào các hộ nghèo với kỹ thuật mà họ có thể áp dụng được. Ngoài ra, Dự án tổ

chức tập huấn trước khi phát vốn cho các hộ các kỹ thuật sản xuất để giúp họ dễ thực hiện thành công hơn. Việc làm này mang ý nghĩa tốt giúp khả năng thu hồi vốn của dự án cao. Tuy nhiên trong thực tế, các hộ mượn vốn có mục tiêu sử dụng vốn mượn khác nhau, người nuôi heo, người nuôi gà, người trồng lúa ... Lớp tập huấn cho đối tượng vay vốn khác nhau được tổ chức chung với nhiều chủ đề. Điều này không mang lại hiệu quả vì nhu cầu học khác nhau giữa các học viên. Chưa kể còn ảnh hưởng đến tâm lý của các giảng viên do sự quan tâm không đều nhau của các học viên vì mỗi người có nhu cầu học khác nhau.

Các lớp được tổ chức tại hội trường các thôn hoặc các hộ ND. Cách tổ chức không khác gì các lớp do TTKN hay trạm KN thực hiện, cũng chủ yếu là để chuyển giao kỹ thuật. Dự án chưa tận dụng các MHTĐ để giới thiệu kỹ thuật cho ND, giúp người dân học bằng nhiều giác quan hơn. Thí dụ, lớp tập huấn phối hợp thực hiện giữa Hội Nông dân xã Vũ Hòa tổ chức tại thôn 5 về ủ men thức ăn cho heo được tổ chức tại hội trường thôn, trong khi đó MH này đang được thực hiện tại thôn 2 xã Vũ Hòa. Nếu tổ chức tập huấn tại ngay hộ thực hiện MH sẽ giúp người dân học tốt hơn vì mắt thấy tai nghe và có dịp trao đổi với người thực hiện MH. Tuy nhiên khi góp ý vấn đề này, nhân viên kỹ thuật nói rằng nếu tổ chức tại MHTĐ thì không gọi là tập huấn mà gọi là hội thảo sẽ tốn chi phí cho người tham dự!

Các nhân viên dự án cho thấy có nhiều cố gắng khi đứng lớp, giảng viên chuẩn bị kỹ bài giảng và truyền đạt trong lớp qua máy chiếu, với cách này rất dễ chuyển tải các nội dung. Giáo viên rất ít sử dụng bảng viết trong lớp. Qua quan sát, giảng viên chuyển giao kỹ thuật qua phương pháp bài giảng và một ít trao đổi với người dân. Giảng viên chưa biết tận dụng kiến thức kinh nghiệm bản địa, hoặc dựa vào thực tiễn kinh nghiệm của ND làm cơ sở để phát triển bài giảng. Với cách dạy này làm cho học viên khó nhớ và hiểu bài, khó thu hút sự quan tâm của học viên hơn. Nguyên tắc khuyến nông phải là “*dạy ND từ cái họ đã biết đến cái họ chưa biết*”. Muốn áp dụng nguyên tắc KN này giảng viên cần tốn nhiều thời gian hơn cho việc tiếp cận đối tượng ND trước khi thực hiện các lớp học.



Sơ đồ: Quá trình khuyến nông (theo NTK Nguyệt, 2000, giáo trình dạy cán bộ khuyến nông)

Có vẻ mọi hoạt động tập huấn tập trung vào giai đoạn thực hiện, các nhân viên kỹ thuật NN của dự án chưa quan tâm nhiều đến các giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn sau lớp tập huấn; trong khi hoạt động khuyến nông phải là một quá trình tiếp diễn liên tục từ đánh giá nhu cầu, thuận lợi, khó khăn, nội lực của người trong cộng đồng để làm cơ sở xây dựng chương trình hoặc đề cương bài giảng; thực hiện

chương trình và theo dõi sau khi thực hiện để có những hỗ trợ tiếp tục phù hợp. Các hoạt động cứ tiếp diễn theo quá trình này

Khi thực hiện tập huấn, có vẻ các nhân viên đã không xác định rõ mục tiêu của buổi học để làm cơ sở xây dựng nội dung và phương pháp giảng dạy.

Dự án có tài liệu photocopy được phát cho học viên ở cuối buổi tập huấn. Các tài liệu này chỉ đủ phát cho người tham dự.

Với kế hoạch năm 2014, tập huấn không chiếm nhiều thời gian của nhân viên NN, trung bình mỗi người chỉ thực hiện khoảng một lớp ở mỗi tháng.

5.2.3. Hỗ trợ tiêm phòng vật nuôi:

Dự án ĐL đã tổ chức tiêm phòng vật nuôi hàng năm, việc làm này rất cần thiết để giúp phòng bệnh cho gia súc gia cầm. Dự án hỗ trợ cho các hộ mượn vốn hai lần đầu toàn bộ chi phí vaccine; sang lần thứ ba và thứ tư hỗ trợ 50% tiền mua vaccine. Ngoài ra, dự án còn đào tạo các hộ khó khăn phương pháp và thực hiện tiêm phòng cho gia súc với sự hỗ trợ của nhân viên dự án. Chỉ tiêu hỗ trợ tiêm phòng của dự án ĐL năm 2013 là 100 con heo và 2000 gà vịt tập trung cho các hộ nghèo mượn vốn của dự án để chăn nuôi. Số lượng thực hiện đã vượt kế hoạch 209% cho heo và 109% cho gà. Đây là một nỗ lực của dự án cũng nhằm giúp các hộ mượn vốn giảm rủi ro trong chăn nuôi. Kinh nghiệm cho thấy, các hộ chăn nuôi lớn, chăn nuôi là nguồn thu nhập chính. Vì vậy họ rất quan tâm đến phòng bệnh. Ngược lại, các hộ chăn nuôi nhỏ, thường rất ít quan tâm đến tiêm phòng, vì chăn nuôi không phải là nguồn thu nhập chính, nếu thất bại cũng ít bị thiệt hại vì họ còn có các khoản thu khác. Theo Tripodi (2007), một chuyên gia thú y của FAO, nguồn lây bệnh vật nuôi trong vùng thường từ các hộ nhỏ, không có tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. Việc phòng bệnh cho vật nuôi chỉ có hiệu quả khi cộng đồng cùng có ý thức, nếu mọi người đều thấy cần phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa bệnh cho vật nuôi, trong đó có tiêm phòng và cùng áp dụng thì việc phòng bệnh sẽ có hiệu quả cao. Vì vậy công tác vận động, nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân trong vùng về các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi rất cần thiết, nếu chỉ quan tâm đến một số ít hộ trong vùng, những hộ nghèo có mượn vốn, sẽ không mang lại hiệu quả lâu dài. Việc nâng cao nhận thức người dân trong vùng và hướng dẫn tổ chức cộng đồng để phòng bệnh trong đó có tiêm phòng cho vật nuôi là điều cần thiết.

Comment [Nguyet1]: Đúng là vaccine chỉ đóng trong chai cho nhiều liều, nuôi nhỏ lẻ không mua vì không kinh tế. Kinh nghiệm có làm ở Vinh Long, tổ chức ngày tiêm phòng cho gia cầm tập trung, mọi nhà đều tiêm, họ tổ chức mua thuốc chung, lấy lưới bao, bao khu vực gà vịt ngủ để dễ bắt. Trong nhóm có người được đào tạo tiêm phòng. Với cách làm này gia cầm mọi nhà đều được tiêm, chi phí rất rẻ

Comment [M2]: Khả năng của dự án về con người và kinh phí, hơn nữa về đối tượng của dự án, nên không thể tổ chức cho toàn bộ trong cộng đồng. Hơn nữa do giá cả bấp bênh nên người dân không nuôi đồng loạt và có nhiều lứa gà khác nhau nên khó khăn trong việc tiêm ngừa gà

Comment [U3]: Dự án rất quan tâm về việc tiêm ngừa phòng bệnh cho gia súc, gia cầm, tăng nhận thức cho người dân bằng những cách khác, nhưng thực tế các hộ dân gặp vấn đề thuốc vaccine không có đóng chai với số lượng nhỏ phù hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ để tạo điều kiện cho người chăn nuôi nhỏ nên tính về mặt kinh tế họ không có lời. Hiện nay ngành kinh tế địa phương cũng chưa giải quyết được vấn đề này. Với nguồn nhân lực của dự án hiện nay có khả năng đào tạo cộng đồng họ có thể tự làm được nhưng họ gặp khó khăn về thuốc và khó có khả năng tạo thành nhóm chăn nuôi vì giá cả quá bấp bênh.

5.2.4 Tổ chức tham quan cho nông dân

Tham quan là một phương pháp rất hiệu quả để chia sẻ kinh nghiệm, để củng cố lòng tin vào các kỹ thuật đã được làm thành công, nhằm thúc đẩy người dân áp dụng theo. Tuy nhiên, Nhân viên dự án khá chủ quan trong hoạt động này vì nghĩ người dân đã biết rồi nên không cần làm. Nhân viên chưa biết vận dụng kết quả thực hiện để tăng hiệu quả của chương trình. Một số nhân viên nghĩ rằng sau khi được tổ chức hội thảo tại MH, thì mọi người sẽ biết rõ qui trình. Vì vậy nhiều MH được thực hiện tại thôn này nhưng những người dân ở các thôn khác cùng một xã hoặc ở các xã lân cận vẫn không có thông tin. Thí dụ trường hợp Ông Lê Quang Hưng, xã Đa Kai, ông có 2 ha tiêu, trước kia tiêu bị chết nhiều do bệnh. Sau khi được dự án hỗ trợ làm MH sử dụng ủ phân hữu cơ có chủng nấm trichoderma, bệnh trên tiêu giảm hẳn và cho thu hoạch cao.



**Hình 1: Ông Lê Quang Hưng
(tổ 5, thôn 6, xã Đa Kai)**

Người làm MH sử dụng trichoderma trên tiêu

Dự án đã thiếu sự tận dụng các MH tốt như thế này để tổ chức tham quan cho ND trong vùng. Việc tổ chức tham quan cho ND cùng trong xã, hoặc các xã gần nhau sẽ rất cần thiết vì điều kiện tự nhiên tương tự, kỹ thuật dễ sử dụng vì cùng điều kiện và nhất là tổ chức tham quan sẽ rất ít tốn kém chi phí và thời gian. Đây là một phương pháp chuyển giao kỹ thuật rất hiệu quả, ND tham quan có dịp gặp gỡ trao đổi với nhau. Tham quan cũng làm giúp phong phú thêm các hoạt động hỗ trợ phát triển NN của dự án.

5.2.5 Chọn đối tượng cho các hoạt động hỗ trợ NN

Mặc dù trong mục tiêu Ưu tiên hỗ trợ cho đối tượng nghèo, nhưng từ năm 2013 trở về trước, do sợ rủi ro nên dự án chỉ chọn các hộ ND để thực hiện các MHTĐ, không phải thuộc diện thật nghèo. Từ năm 2014, các hộ nghèo mới được chọn làm MH.

Việc xây dựng tiêu chí chọn người tham dự tập huấn, hội thảo, hoặc người làm MHTĐ chưa được Dự án ĐL quan tâm cao. Dễ nhận thấy một số người tham dự trong các lớp tập huấn chưa hẳn đúng đối tượng để áp dụng các kỹ thuật khuyến cáo liên quan đến tập huấn mà họ tham dự.

5.2.6 Các vấn đề xuyên suốt lồng ghép

Liên quan đến Giới

Vốn là tiền đề để giúp phát triển sản xuất, theo chính sách của dự án ĐL chỉ có phụ nữ mới được đứng tên mượn vốn. Do là người chịu trách nhiệm về vốn mượn, vì vậy các chị cũng chịu trách nhiệm cho sản xuất sử dụng vốn vay. Nhờ đó các chị có cơ hội tiếp cận với các kỹ thuật thông qua các nhân viên dự án để nâng cao nhận thức và kiến thức. Với cách làm này giúp phần nào nâng cao vị trí của phụ nữ trong gia đình.

Tuy nhiên trong các hoạt động khác như tập huấn, xây dựng MH, dự án chưa cho thấy chỉ tiêu tham gia của phụ nữ.

Liên quan đến môi trường

Các hoạt động của dự án quan tâm nhiều đến môi trường trong cộng đồng như hỗ trợ làm hồ xí, biogas ... Các hoạt động NN cũng quan tâm đến môi trường như các MH đệm lót sinh học cho heo, gà giúp giảm thiểu mùi hôi; sử dụng trichoderma giúp cây trồng giảm bệnh, ND giảm sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật cũng giúp tác động tốt đến môi trường. qua các hoạt động này cho thấy vấn đề môi trường được dự án đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên trong các báo cáo, ít thấy dự án đề cập đến vấn đề này.

Dân tộc thiểu số:

Một số xã của huyện Đức Linh có dân tộc thiểu số. Tuy nhiên do nhà nước đã có nhiều chính sách cho các đối tượng này, vì vậy vấn đề hỗ trợ dân tộc thiểu số dự án DL cũng chỉ quan tâm như những đối tượng khác

5.3 Nguồn nhân lực của TTTC cho hoạt động NN

Dự án có hai nhóm nhân viên kỹ thuật thực hiện các hoạt động về trồng trọt, chăn nuôi có trình độ từ đại học đến trung cấp. Các nhân viên này còn kiêm nhiệm thêm nhiều hoạt động khác như quản lý vốn vay, chương trình máy vi tính ... Thời gian mà họ dành cho hỗ trợ NN chỉ chiếm một phần ba hoạt động.

Một số nhận xét về đội ngũ cán bộ kỹ thuật NN:

Ưu điểm:

- Một số các nhân viên là người địa phương, một số là người từ nơi khác đến. Tuy nhiên số sau này đã lập gia đình với người địa phương nên nhìn chung, tính ổn định của các nhân viên nhóm NN tương đối cao.
- Các nhân viên hầu hết là người trẻ nên thuận lợi đi lại trên địa bàn 11 xã của dự án.
- Số lượng nhân viên tương đối đủ so với công việc hiện tại.

Hạn chế:

- Trình độ và kinh nghiệm giữa các nhân viên không đồng đều. Tuy nhiên việc hỗ trợ để cùng giúp nhau nâng cao năng lực chưa thể hiện rõ, các hoạt động được thực hiện riêng rẽ và mỗi người phụ trách cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình.
- Các nhân viên không có động lực để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng thực hiện các hoạt động vì được quản lý theo khối lượng công việc.

- Năng lực đội ngũ:
 - o Ít có cơ hội để nâng cao kiến thức chuyên môn.
 - o Dự án có những hoạt động nhằm giúp nâng cao năng lực cho nhân viên nhóm NN, như gửi người đi dự các khóa học ở các nơi khác, họp chung nhân viên NN giữa các vùng để trao đổi kinh nghiệm... Tuy nhiên, đa số chưa được đào tạo qua các khóa kỹ năng khuyến nông cần thiết như tổ chức tập huấn, xây dựng MH, tổ chức hội thảo, tham quan, làm tài liệu khuyến nông... Hoặc nếu có đào tạo cũng chưa thấy phát huy khi thực hiện.
 - o Các nhân viên lúng túng khi chọn các chủ đề làm MHTĐ, hoặc chỉ thực hiện các hoạt động dựa trên chuyển giao kỹ thuật là chủ yếu. Mặc dù kỹ thuật rất cần thiết, nhưng người dân cần nhiều thứ hơn là kỹ thuật để giúp họ phát triển sản xuất như nâng cao năng lực về tiếp cận thị trường
- Tổ chức hoạt động: Có vẻ các nhân viên hoạt động riêng rẽ, thiếu sự phối hợp khi thực hiện các hoạt động, điều này làm hạn chế tính hiệu quả và khó chia sẻ kinh nghiệm với nhau.
- Địa bàn rộng (11 xã), sản xuất đa dạng, tất cả các nhân viên đều phải kiêm nhiệm các công việc khác, vì vậy họ bị hạn chế về thời gian cho hoạt động NN.

5.4 Đội ngũ cộng tác viên

Dự án đã xây dựng đội ngũ toàn nữ CTV gồm 24 người được tuyển chọn từ người địa phương hoặc những ND bình thường, hoặc cán bộ xã, đoàn thể. Các CTV có nhiệm vụ chính là quản lý các hộ vay vốn trong xã. Việc chỉ chọn nữ làm CTV rất phù hợp vì nhóm này chịu trách nhiệm quản lý vốn vay mà người vay tiền toàn là phụ nữ. Vì vậy các chị CTV dễ tiếp cận với các chị có vay tiền. Nhóm này được dự án tập huấn để giúp họ hoàn thành nhiệm vụ chính này.



Cấu trúc tổ chức hoạt động KN hay phát triển cộng đồng sẽ rất thuận lợi để tăng cường sự tham gia của người dân nếu là cấu trúc theo dạng hình chóp. Với đội ngũ 24 CTV, Dự án ĐL đã xây dựng cấu trúc hình chóp, nhưng thực tế, việc sử dụng mạng lưới CTV này chưa mang lại hiệu quả cao. Nhiệm vụ chính của CTV chỉ là theo dõi việc sử dụng vốn mượn và báo cáo cho nhân viên khi các hộ này gặp khó khăn để có can thiệp kịp thời. Tiền lương của CTV được tính dựa trên số hộ nghèo được mượn vốn mà họ

Hình 2: Cấu trúc mạng lưới KN hình chóp để gia tăng sự tham gia của cộng đồng

phụ trách quản lý (21.000 đồng/ hộ/ tháng).

Dự án luôn mong việc hoàn trả các khoản vay mượn cao, vì vậy việc xây dựng đội ngũ CTV cũng nhắm đến việc thu hoàn vốn cao nhất là chính.

Sự tham gia của các CTV vào hoạt động NN rất thụ động, họ chỉ làm theo yêu cầu của các nhân viên khi có hoạt động trên địa bàn như mời tập huấn, chọn hộ làm MH ...

Với mạng lưới CTV trên địa bàn nếu họ được phân công thêm nhiệm vụ vận động, thông tin, tuyên truyền, hỗ trợ thực hiện các hoạt động NN thì sẽ giúp gia tăng hiệu suất đầu vào (efficiency) và hiệu quả mục tiêu (effectiveness) của dự án. Khi được hỏi nếu dự án yêu cầu các chi làm thêm khâu vận động tuyên truyền các kỹ thuật NN cho ND trong vùng thì tất cả các CTV được tiếp xúc đều vui vẻ cho rằng họ rất sẵn sàng đảm đương thêm.

5.5 Hợp tác và liên kết

5.5.1 Với ngành NN/ KN của nhà nước

Phía KN hằng năm thực hiện các chương trình NN trọng điểm của tỉnh, mọi nguồn lực đều được tập trung cho các hoạt động này với những chính sách riêng. Đa số các hộ nghèo ít tiếp cận các hoạt động KN của nhà nước. Chính sách hỗ trợ của KN nhà nước cho ND làm MHTD hoặc tham dự tập huấn, hội thảo cũng khác với mức hỗ trợ của dự án ĐL. Vì vậy khó phối hợp thực hiện các hoạt động NN trên địa bàn. Thực tế cũng cho thấy không có sự phối hợp này

5.5.2 Với các đoàn thể

Các đoàn thể đều mong muốn có những hoạt động thiết thực cho các hội viên của mình. Nếu đoàn thể xây dựng những hoạt động này sẽ giúp uy tín đoàn thể được nâng cao. Ở cấp xã, các đoàn thể làm việc trực tiếp với người dân địa phương, đa số hội viên là ND, vì vậy việc phối hợp thực hiện các hoạt động chuyển giao kỹ thuật với dự án là điều mong mỏi của họ. Về phía dự án, phối hợp với đoàn thể sẽ thuận lợi hơn vì đoàn thể thường cung cấp những yêu cầu, thuận lợi khó khăn của người dân trong vùng để giúp dự án thực hiện các chương trình phù hợp. Chưa thể đánh giá được mức độ tham gia của các đoàn thể trong việc thực hiện các hoạt động NN của dự án, chỉ thấy họ phối hợp với dự án để tổ chức các lớp tập huấn tại các thôn xã. Ngoài ra, còn phối hợp với hội Nông dân các xã trong việc tư vấn chọn hộ thực hiện mô hình Nếu đoàn thể tham gia tích cực sẽ giúp phát huy sự tham gia của người dân trong hoạt động hỗ trợ NN của dự án.

5.5.3 Với Ban Điều hành xã

Mỗi xã có BDH để chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện các hoạt động. Trong BDH có thành viên là cán bộ Hội Nông dân để hỗ trợ các hoạt động NN. Tuy nhiên vai trò BDH có vẻ mờ nhạt, nhiều thành viên BDH chưa rõ nhiệm vụ cụ thể của họ là gì trong việc thực hiện dự

án, mặc dù hằng năm có tổ chức họp BDH để báo cáo hoạt động, và thông qua kế hoạch năm của dự án. Tuy nhiên các BDH qua phỏng vấn đều rất nhiệt tình tham gia với dự án và họ mong dự án thông tin, chia sẻ nhiều hơn để có những hỗ trợ kịp thời trong thời gian tới, nhằm giúp gia tăng hiệu quả các hoạt động

5.5.4 Các công ty cung cấp vật tư

Chủ đề của nhiều MHTĐ của dự án nhằm để giới thiệu các sản phẩm của các công ty vật tư như chế phẩm Dasvila, men ủ thức ăn, men làm đệm lót sinh học ... Dự án thiếu tranh thủ sự hỗ trợ của các công ty vật tư NN trong việc giúp họ phổ biến sản phẩm, nếu được vậy, họ sẽ là nguồn bổ sung kinh phí cho hoạt động NN. Tuy nhiên việc làm này nên cẩn thận, dự án cần xác định rõ tất cả các hoạt động của dự án nhằm giúp dân nghèo cải thiện cuộc sống, không nhằm giúp khuyến mãi các sản phẩm nếu nó không mang lại lợi ích thiết thực cho ND.

5.5.5 Giữa các người dân trong cộng đồng

Việc tổ chức liên kết những người dân trong cộng đồng để cùng nhau giải quyết vấn đề của họ. rất cần thiết trong các dự án phát triển cộng đồng. Tuy nhiên điều này chưa được dự án quan tâm **đúng mức. Chưa thấy xây dựng những tổ nhóm liên kết để giải quyết vấn đề chung**

5.6 Hoạt động Thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC)

Trong các dự án phát triển cộng đồng, việc nâng cao nhận thức và phát triển năng lực cho người dân để giúp họ thay đổi hành vi theo hướng tích cực là điều rất quan trọng và cần thiết. Hỗ trợ phát triển NN là một trong những hoạt động phát triển cộng đồng, giúp cải thiện thu nhập của ND. Muốn người dân thay đổi hành vi sản xuất theo chiều hướng tích cực, trước tiên họ cần phải biết những thông tin kỹ thuật và những thông tin liên quan như thị trường sản phẩm, thị trường các vật tư đầu vào, thông tin chính sách ... Họ sẽ tập hợp tất cả những loại thông tin này để giúp họ làm quyết định cho sự thay đổi. Việc thay đổi phải hoàn toàn mang tính tự nguyện.

Vì vậy IEC phải là hoạt động ưu tiên trong các dự án phát triển cộng đồng. Nhưng có vẻ dự án ĐL chưa quan tâm đủ đến việc phát triển các hoạt động IEC. Chỉ nói riêng trong hoạt động NN của dự án, chỉ những người được tiếp cận trực tiếp với dự án thông qua tham dự lớp tập huấn, hội thảo, làm MH mới biết các kỹ thuật mà dự án muốn phổ biến, những người không tham gia trực tiếp hiếm khi nhận được thông tin. Nhóm NN chưa sản xuất được các tài liệu kỹ thuật để phổ biến rộng trong cộng đồng; chưa có những hoạt động vận động, tuyên truyền, cung cấp thêm thông tin cần thiết có liên quan để giúp người dân nâng cao nhận thức, nâng cao năng lực để làm quyết định đúng đắn. Nhiệm vụ của nhóm NN có vẻ chỉ là phổ biến kỹ thuật cho những người tham dự các hoạt động là xong! Có nhiều hoạt động nếu cộng đồng được nâng cao nhận thức thì hiệu quả sẽ tốt hơn như phòng bệnh cho vật nuôi.

6. Kết luận và đề xuất

6.1 Kết luận

- Tính phù hợp (Relevance)

- o Nhiều kỹ thuật do dự án phổ biến phù hợp cho hộ nghèo ít đất hoặc không đất áp dụng, trong khi ngành KN không chú ý đến đối tượng ND này.
- o Đối tượng chính được dự án hỗ trợ là ND nghèo, là đối tượng thường ít được tham dự trực tiếp các hoạt động KN của nhà nước, qua hoạt động của dự án giúp họ phát triển.
- o Tiếp tay cho nhà nước trong việc giảm nghèo trong cộng đồng.

- Tính hiệu quả mục tiêu:

- o Mục tiêu của dự án ĐL là giúp đối tượng nghèo phát triển kinh tế hộ thông qua các hoạt động chuyển giao kỹ thuật như tập huấn, xây dựng MH, hội thảo. Hoạt động hỗ trợ chỉ nhằm đến chuyển giao kỹ thuật chưa đủ để đạt mục tiêu này.
- o ND ngày nay có nhiều cách để tiếp cận kỹ thuật mới hoặc để giúp họ giải quyết thắc mắc về kỹ thuật. Hỗ trợ ND tiếp cận thị trường cũng là vấn đề rất cần thiết để giúp phát triển kinh tế hộ. Đây là vấn đề ND đang gặp khó nhưng dự án chưa quan tâm.

- Tính hiệu quả đầu vào

- o Mức độ đầu tư cho các hộ làm MHTĐ của dự án ĐL thấp hơn của KN nhà nước, nhưng được sự đồng tình của ND trong vùng và nhiều người muốn được hỗ trợ để thực hiện các MHTĐ.
- o Nhiều MHTĐ cho kết quả tốt nhưng dự án ĐL chưa tận dụng các nguồn lực để phổ biến các thông tin kỹ thuật phù hợp này như thiếu tổ chức tập huấn tại MH, thiếu tài liệu hóa để phổ biến thông tin cho nhiều người. Vì vậy kết quả đầu vào từ các NHTĐ chưa cao vì ít người được tiếp cận như có thể.

- Tính bền vững:

- o Dự án ĐL làm việc độc lập khó phối hợp với KN huyện vì khác nhau về chính sách hỗ trợ và đối tượng ND tác động. Vì vậy các tổ chức KN nhà nước không biết đến cách tiếp cận của dự án. **Thí dụ: nhưng chọn nhóm đối tượng để hỗ trợ, hình thức hỗ trợ của dự án**
- o Dự án ĐL chưa tổ chức cộng đồng, thiếu các hoạt động IEC cần thiết cho tất cả **các hoạt động trong đó có hoạt động nông nghiệp** để đẩy mạnh việc áp dụng các kỹ thuật khuyến cáo phù hợp, vì vậy hiệu quả các hoạt động của Dự án ĐL có thể bị lãng quên (?).

- **Tác động**

- o Tác động xã hội: Giúp phụ nữ nghèo năng động hơn khi tham gia với dự án vì được hỗ trợ vốn, kỹ thuật để thực hiện các hoạt động sản xuất tạo thu nhập.
- o Tác động kinh tế: Chưa thấy rõ tác động thay đổi kinh tế cao từ các hoạt động hỗ trợ NN của dự án do còn sản xuất đơn lẻ, qui mô nhỏ, thiếu sự liên kết trong cộng đồng.
- o Tác động thể chế (institutional impact) chưa rõ do không phối hợp được với KN nhà nước. Vả lại, cách tiếp cận cũng không có gì quá khác biệt so với cách tiếp cận của tổ chức KN nhà nước. **Thí dụ ở các dự án khác, họ mong muốn giới thiệu những cách tiếp cận mới nhưng phương pháp khuyến nông có sự tham gia (dự án VVOB cho 5 tỉnh Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu), phương pháp dạy ALC (Action learning cycle) của dự án Lux Dept ở Nghệ An ... Họ thực hiện các phương pháp này cùng với cán bộ nhà nước thuộc ngành có liên quan để giúp nâng cao năng lực, đồng thời tác động đến các ban ngành này để họ tạo điều kiện cho nhân viên áp dụng, để khi dự án kết thúc, các phương pháp mới này được áp dụng hoặc lồng ghép vào các hoạt động của các ban ngành nhà nước. Dự án chúng ta không có giới thiệu 1 phương pháp nào mới, vì vậy không có tác động thể chế**
- o Tác động môi trường: Nhiều mô hình quan tâm đến môi trường như đệm lót sinh học, biogas ... Tuy nhiên các mô hình này chưa mở rộng trên địa bàn, do đó tác động tốt đến vấn đề môi trường trong cộng đồng chưa thể hiện rõ.

Nguồn nhân lực:

- Nhân viên đa số tại địa phương, hoặc đã kết hôn với người địa phương nên tính ổn định lâu dài với dự án tương đối cao.
- Nhân viên đều trẻ, thuận lợi đi lại trên địa bàn.
- Năng lực về chuyên môn và kỹ năng làm việc không đều giữa các nhân viên. Chưa có sự hỗ trợ nhau để giúp nhau phát triển chuyên môn và kỹ năng. Mọi người cần được nâng cao năng lực để gia tăng hiệu quả.

Phối hợp với các tổ chức bên ngoài

- Khả năng phối hợp với KN cấp huyện khó vì đối tượng tác động và chính sách hỗ trợ cho ND của hai bên khác nhau.
- Chưa phối hợp nhiều với KN xã để thực hiện các hoạt động
- Có phối hợp với đoàn thể địa phương nhưng mức độ chưa thường xuyên **để thực hiện các hoạt động hỗ trợ NN**
- Chưa có qui chế phối hợp với các tổ chức khác như các công ty cung cấp vật tư NN để phong phú hoạt động và tăng nguồn kinh phí hoạt động

Đội ngũ CTV:

- CTV chỉ quan tâm nhiều đến quản lý vốn vay.
- Đội ngũ CTV nhiệt tình nhưng tham gia hoạt động NN thụ động vì dự án chưa phân công giao việc cụ thể.
- Các CTV là người của thôn, sát với ND, nếu họ tham gia hoạt động IEC sẽ rất hiệu quả. Đội ngũ này sẽ có lợi thế nếu được sử dụng vào việc cung cấp thông tin để lập kế hoạch, giám sát, đánh giá; tham gia vận động, thông tin, tuyên truyền.

Cách tiếp cận của TTTC trong việc PTCD

- Dự án ĐL hỗ trợ dân nhiều lĩnh vực, nhưng chưa thấy rõ tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển. Các hoạt động chưa cho thấy tiến trình giải quyết vấn đề trong cộng đồng bằng sự tự lực. **Vấn đề này được giải quyết, vấn đề khác phát sinh, dự án sẽ thay đổi mục tiêu hoạt động theo từng thời kỳ, không bao giờ kết thúc cả. Dân tự lực mặt này, nhưng cần sự hỗ trợ mặt khác**
- Chưa thấy rõ một trong những mục tiêu quan trọng hoạt động PTCD là phát triển con người.
- Chưa quan tâm đến tổ chức liên kết người dân trong cộng đồng để giải quyết vấn đề chung của họ.

6.2 Đề xuất

- Dự án cần xây dựng kế hoạch định kỳ cho các hoạt động. Kế hoạch phải có chỉ tiêu và chỉ số, kết quả mong đợi đạt được để giúp dễ dàng thực hiện và quản lý.
- Các vấn đề và đề xuất cải thiện:

Vấn đề	Đề xuất
Nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường chuyên môn kỹ thuật: Thí dụ tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề kỹ thuật (seminar) giữa các nhân viên. Hoạt động này cần đưa vào tiêu chí để xét thi đua của nhân viên định kỳ. Thỉnh thoảng có thể mời cán bộ KN , cán bộ Thú y tỉnh huyện báo cáo các chuyên đề liên quan đến chủ trương phát triển NN của tỉnh, huyện hoặc các vấn đề về kỹ thuật như phát đồ điều trị các loại bệnh trên gia súc ... - Tập huấn các kỹ năng về phương pháp KN cho nhân viên NN. Nếu có kỹ năng tốt, biết phương pháp, hoạt động sẽ tăng hiệu quả như kỹ năng tổ chức và thực hiện lớp tập huấn, xây dựng MH, tổ chức tham quan, viết báo cáo, làm tài liệu, xây dựng kế hoạch hoạt động... - Góp ý lẫn nhau giữa các nhân viên kỹ thuật NN về các kỹ năng khi thực hiện trên địa bàn. Mỗi lớp tập huấn có thể do 2 người thực hiện.

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tham quan chéo các hoạt động do các nhân viên khác nhau phụ trách để cùng chia sẻ và rút kinh nghiệm. - Tổ chức tham quan cho nhân viên các mô hình, phương pháp tiếp cận hộ nghèo để mở rộng tầm nhìn. Thí dụ chương trình tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho người nghèo ở Trà Vinh.
Thông tin quảng bá, hoạt động IEC	<p>Tăng cường thông tin, quảng bá các kỹ thuật phù hợp cho ND trong vùng qua các hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành tờ bướm, sổ tay các kỹ thuật có thể phổ biến cho nhiều người trong vùng. Cần chú ý đến hình thức và nội dung phù hợp cho đúng đối tượng sử dụng. - Tìm kiếm các thông tin thị trường, chính sách liên quan đến các sản xuất trong vùng để cung cấp cho ND. - Lồng ghép vào các nội dung cần thông tin cho cộng đồng trong các buổi họp tổ dân phố, đoàn thể ... - Tăng cường vai trò CTV cho hoạt động IEC như phát tài liệu, vận động, thông tin, tuyên truyền ... - Tận dụng các điểm MHTĐ cho kết quả tốt để tập huấn, hội thảo để giúp dân trong vùng học kỹ thuật thông qua mắt thấy tai nghe. Cách này dễ thuyết phục họ áp dụng theo hơn chỉ nghe tập huấn suôn. - Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cho cộng đồng để giúp giải quyết các vấn đề chung.
Sự tham gia của cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong việc lập kế hoạch, theo dõi và đánh giá các hoạt động NN. Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ CTV cho các hoạt động này trong việc thu thập thông tin về những thuận lợi và khó khăn của người dân trên địa bàn để làm cơ sở xây dựng kế hoạch phù hợp. - Tổ chức liên kết ND để giải quyết vấn đề chung của họ. - Cần nghiên cứu để có thể hỗ trợ hộ nghèo một cách gián tiếp thông qua giúp hộ khá giàu. Thí dụ các MH cần đầu tư nhiều, thời gian sinh trường dài, hộ nghèo khó làm thành công, nhưng giúp hộ giàu để họ có thể tạo việc làm cho hộ nghèo, hoặc cung cấp con giống, cây giống với giá tốt, tại địa phương cho hộ nghèo.
Thực hiện mô hình	<ul style="list-style-type: none"> - Cần xác định rõ loại mô hình thử nghiệm hay trình diễn. - Xây dựng tiêu chí chọn hộ làm trình diễn, thí dụ một số

	<p>tiêu chí: địa điểm thuận lợi cho những người cùng đối tượng lui tới, uy tín và chia sẻ với người dân trong vùng, chịu ghi chép qui trình thực hiện, trung thực áp dụng đúng qui trình kỹ thuật đã thống nhất với nhân viên kỹ thuật ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ vai trò quyền lợi và nhiệm vụ người làm MH - Người thực hiện MH phải ghi chép, đây là một trong những tiêu chí chọn người làm MH. Cần soạn những biểu mẫu đơn giản, giúp dân dễ dàng ghi chép. - Khuyến khích người làm MH quảng bá, hướng dẫn cho người dân trong vùng các kỹ thuật tốt, phù hợp.
Thực hiện tập huấn	<ul style="list-style-type: none"> - Nên sử dụng nhiều phương pháp tập huấn, gia tăng phương pháp dạy học bằng thực hành nếu có thể, phương pháp này giúp ND trình độ thấp dễ nhớ và tự tin khi áp dụng. - Tập dụng tối đa tổ chức tập huấn tại các MH cho kết quả tốt để tăng sự hiểu và dễ thuyết phục ND. - Tăng cường sử dụng bảng biểu và giảm thời gian sử dụng máy chiếu trong lớp học.
Tham quan cho ND	<ul style="list-style-type: none"> - Gia tăng tham quan giữa các xã cho ND. - Hướng dẫn tham quan, nói rõ vấn đề gì cần tham quan. - Họp ND sau khi tham quan để rút bài học kinh nghiệm, điều gì họ có thể áp dụng. - Khuyến khích ND tự tổ chức tham quan các MH sản xuất liên quan thông qua việc cung cấp thông tin cho họ.
Kế hoạch định kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án cần thiết phải xây dựng kế hoạch định kỳ với các chỉ tiêu, chỉ số để giúp BGD dễ dàng đánh giá hoạt động hằng năm. - Xây dựng kế hoạch giám sát đánh giá với các biểu mẫu đơn giản để tiện lợi thực hiện hoạt động và giám sát.

- Mạng lưới cộng tác viên

Vấn đề	Đề xuất
Cải tổ nhiệm vụ đội ngũ CTV	<ul style="list-style-type: none"> - Các CTV ngoài quản lý hộ nghèo, cần bổ sung nhiệm vụ thông tin về thuận lợi khó khăn của người dân làm cơ sở cho lập kế hoạch hỗ trợ; chức năng vận động, tuyên truyền, thông tin quảng bá.

	<ul style="list-style-type: none"> - CTV tham gia thực hiện các hoạt động IEC của dự án. - Cần lập bảng mô tả công việc của CTV cụ thể và thống nhất với họ về nhiệm vụ mới này.
Năng lực cho đội ngũ CTV	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực để CTV có thể làm tốt công việc theo bảng mô tả công việc mới. - Xây dựng chương trình nâng cao năng lực cho CTV,

- Hoạt động thông tin – Giáo dục – Truyền thông (IEC)
 - o Cần bổ sung nhiều hoạt động nhằm giúp nâng cao nhận thức, đây là bước đầu tiên để cộng đồng chuyển đổi theo hướng tích cực.
 - o Sản xuất các tài liệu bướm, sổ tay để phổ biến các kỹ thuật cho nhiều người trong xã, huyện hoặc ngay cả cho các vùng khác của TTTC nếu phù hợp.
 - o Dự án ĐL nên có một nhân viên phụ trách IEC.
 - o Sử dụng đội ngũ CTV để tăng cường hoạt động IEC.

Phụ lục

1. Tài liệu tham khảo

NTK Nguyệt, (2000), giáo trình giảng dạy phương pháp lập kế hoạch khuyến nông. Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AITCV)

OXFAM GB (2013), Thay đổi cách tiếp cận hộ nghèo với dân tộc thiểu số
<http://www.oxfamblogs.org/vietnam/2013/12/19/5683/>,

OXFAM GB (2013), Bất bình đẳng gia tăng, người dân nghĩ gì?
<http://www.oxfamblogs.org/vietnam/2013/12/19/5683/>,

Tiêu chí xây dựng nông thôn mới (2010) <http://www.bacgiang.gov.vn/ves-portal/17547/19, Quyet-dinh-491/QD-TTg,-ngay-14/6/2010-cua-Thu-tuong-Chinh-phu>).

Dự án ĐL (2014), Báo cáo hoạt động năm 2013.

TTTC, <http://www.thienchi.org/vi/%C4%91%E1%BB%A9c-linh-district/168-2huy%E1%BB%87n-%C4%91%E1%BB%A9c-linh.html>

Giới thiệu huyện Đức Linh, http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%A9c_Linh

2. Danh sách người được phỏng vấn

ST	Ngày	Họ tên	Đơn vị	Chức vụ
----	------	--------	--------	---------

T				
		Họp Ban Giám đốc dự án Đức Linh		
1.	9/6/2014	Lê Thị Yến Hằng	Dự án Đức Linh	Giám đốc
2.	Buổi sáng	Lê Phạm Mạnh Hưng	Dự án Đức Linh	Phó Giám đốc, phụ trách NN
3.		Nguyễn Thị Ngọc Quyên	Dự án Đức Linh	Phó Giám đốc Vay vốn
	9/6/2014	Họp nhóm NN		
	Buổi chiều	Nhóm Thú y		
4.		Cao Văn Huỳnh	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Thú y
5.		Trần Tích Phước	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Thú y
6.		Trương Ngọc Quang	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Thú y
		Nhóm Trồng trọt		
7.		Nguyễn Thị Thái Ngân	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Trồng trọt
8.		Nguyễn Tấn Châu	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Trồng trọt
9.		Lê Thị Hương	Dự án Đức Linh	Nhân viên kỹ thuật Trồng trọt
10.		10/6/2014	Họp nhóm ND tại xã Đa Kai, 25 người	
11.	4	Phỏng vấn CTV		
12.		Lưu Thị Thanh	Xã Đa Kai	Cộng tác viên
13.		Trần Thị Tâm	Xã Đa Kai	Cộng tác viên
14.		Thăm nông hộ		
15.		Nguyễn Quang Hưng	Xã Đa Kai Tổ 5, thôn 6	ND làm MH tiêu và nấm Trichoderma
16.		Nguyễn Văn Hải	Xã Đa Kai Tổ 5 thôn 8	ND làm MH cải tạo vườn điều
17.		Đinh Thị Thúy	Xã Đa Kai	ND mượn vốn nuôi gà thịt
		11/6/2014	BĐH xã Đa Kai	
18.	4	Lê Doãn Phước	UB Xã Đa Kai	Chủ tịch Hội ND, Phó BĐH
19.		Lê Thị Việt	Chủ tịch Hội ND, Phó BĐH	Chủ tịch Hội PN, Phó BĐH
		Thăm hộ ND		
20.		Hoàng Minh Đức	Xã Đa Kai	ND được chọn làm MH cà phê
		Thu thập thông tin xã Vũ Hòa		
		BĐH xã Vũ Hòa		
21.		Nguyễn Công Hoan	PCT UB xã	Trưởng BĐH
22.		Trần Ngọc Hà	CT Hội ND	Phó ban ĐH
23.		Đào Thị Nam	PCT hội PN	
24.		Phạm Thị Hiếu	CT hội PN	
		Thăm nông hộ		
25.		Trần Thị Phương	Xã Vũ Hòa Thôn 1,	Mượn vốn nuôi heo

26.		Lê Thị Vui	Xã Vũ Hòa Thôn 2	MH nuôi heo với thức ăn ủ men
27.		Phan Thị Lan	Xã Vũ Hòa, Thôn 4	MH nuôi gà có đệm lót
		Dự lớp tập huấn về ủ men thức ăn nuôi heo khoảng 35 người dự tại thôn 5 xã Vũ Hòa		
28.		Trần Thị Thanh Trúc	Xã Vũ Hòa	ND làm MH ủ men thức ăn heo
29.		Lai Thị The	Xã Vũ Hòa	ND mượn vốn nuôi heo
		Thông tin từ CTV		
30.		Lê Thị Ánh	Xã Vũ Hòa	CTV
	12/6/2014	Xã Đức Hạnh		
31.	4	Dự tập huấn chủ đề “ Phối trộn phân đơn và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật”. Khoảng hơn 20 ND tham dự		
		Họp với BDH xã Đức Hạnh		
32.		Bùi Thị Vinh	Xã Đức Hạnh	Phó BDH, Chủ tịch Hội Phụ Nữ xã
33.		Đàm Văn Lượm	Xã Đức Hạnh	UV BD8H, Chủ tịch hội ND
		Phỏng vấn ND		
34.		Đàm Văn Cường	Xã Đức Hạnh	
35.		Lê Duy Đức	Xã Đức Hạnh	Thôn 4, ND
36.		Võ Thị Cúc	Xã Đức Hạnh	Thôn 4, ND
37.		Nguyễn Thị Kha	Xã Đức Hạnh	CTV
38.		Nguyễn Thị Nga	Xã Đức Hạnh	Thôn 3, tổ 6, ND
39.		Nguyễn Thị Minh	Xã Đức Hạnh	Thôn 3, tổ 6, ND
	13/6/2014	Phỏng vấn các ban ngành cấp huyện		
40.	4	Nguyễn Tấn Trọng	Huyện Đức Linh	Phó phòng NN và PTNT huyện
41.		Trương Văn Hòa	Huyện Đức Linh	Phó Chủ tịch Hội ND huyện
42.		Nguyễn Thị Tổ Nga	Huyện Đức Linh	Phó trưởng trạm Thú y huyện
43.		Họp BGD TTTC và nhóm nhân viên NN dự án Đức Linh (khoảng 12 người)		

3. Hình ảnh



Hình 3: Họp với một nhóm ND tại xã Đa Kai



Hình 4: Hộ mượn vốn nuôi gà thả vườn



Hình 5: Hộ làm MH ủ men thức ăn cho heo



Hình 6: Hộ làm đệm lót cho gà



Hình 7: Làm việc với BDH xã Đa Kai



Hình 8: Lớp tập huấn tại xã Vũ Hòa



Hình 9 : Lớp tập huấn tại xã Đức Hạnh



**Hình 10: Thăm MH tiêu có bốn phân hữu cơ ủ
với nấm trichoderma**